

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học năm học 2020-2021

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng Trong đó:	158.000	x		
a	Trụ sở chính	158.000	x		
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại...				
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học Trong đó:	102.252			
a	Trụ sở chính		x		
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại...				

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên		Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
							Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm		37	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	6.693	x		
2	Phòng thực hành		33	Đào tạo	Sinh viên	3.920	x		
3	Giảng đường (gồm 148 phòng học)		5	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	13.367	x		
4	Nhà tập đa năng		1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	3.870	x		
5	Nhà thể thao cán bộ		1			270	x		
6	Diện tích bể bơi		1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	1.250	x		
7	Diện tích sân vận động		1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	18.375	x		
8	Diện tích sân tennis		1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	1.780	x		
9	Diện tích sân bóng rổ		1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	198	x		
10	Diện tích sân bóng chuyền		1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	3.000	x		
12	Ký túc xá thuộc cơ sở đào tạo quản lý		1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	23.128	x		
13	Nhà ăn sinh viên		1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	1.500	x		
14	Hội trường		2	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	3.090	x		
15	Phòng trực tuyến (A1A, 104 A4, 505 thư viện)		3	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	258	x		
16	Thư viện		1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	2.934	x		
17	Phòng Thực hành máy tính trong (GĐB3 406)		1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	50	x		
18	Phòng học Ngoại ngữ (405 B3), tin học GĐ B3 (7p), TH sư phạm các môn học (trong 504, 505 GĐB2, 306 A5, Nhà đa năng)		12	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	831	x		
19	Phòng học nhạc, họa, múa		4	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	268	x		
20	Phòng thực hành mầm non		3	Đào tạo		111			
21	Phòng Studio (trong Đa năng, 506 TTTT – TV)		2	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	140	x		
22	Nhà làm việc và NCKH A1, A2, A3, A4, A5, trạm y tế		6	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	14.477	x		
23	Trung tâm phát triển kỹ năng Sư phạm		1		ĐH, Ths, TS	4.400	x		

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	12
2	Số chỗ ngồi đọc	800
3	Số máy tính của thư viện	102
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	23.076 đầu tài liệu/ 294.328 cuốn
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	01

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	35,0 m ² /SV
2	Diện tích sàn/sinh viên	25,0 m ² /SV

Người lập biểu



Cao Tiến Khoa

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 06 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. MAI XUÂN TRƯỜNG